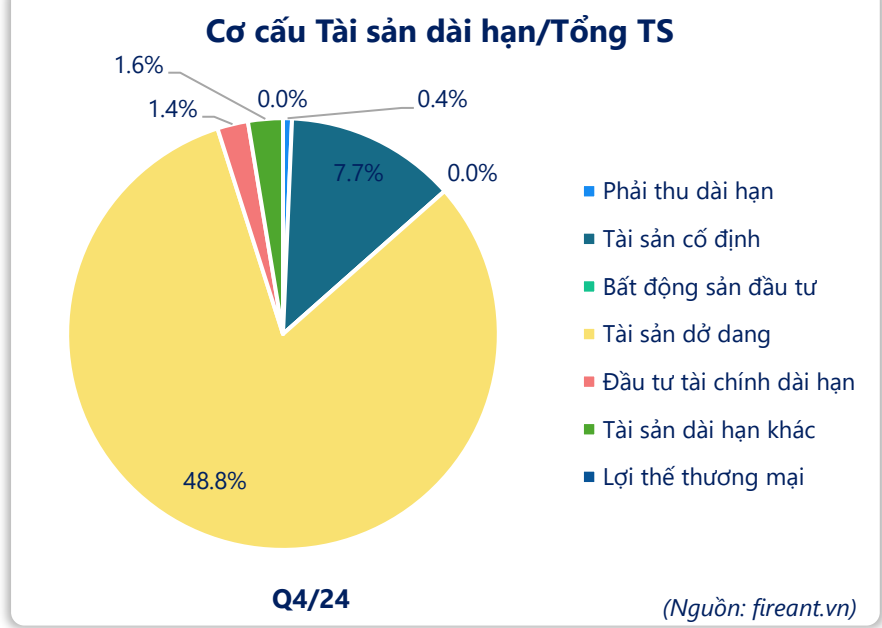
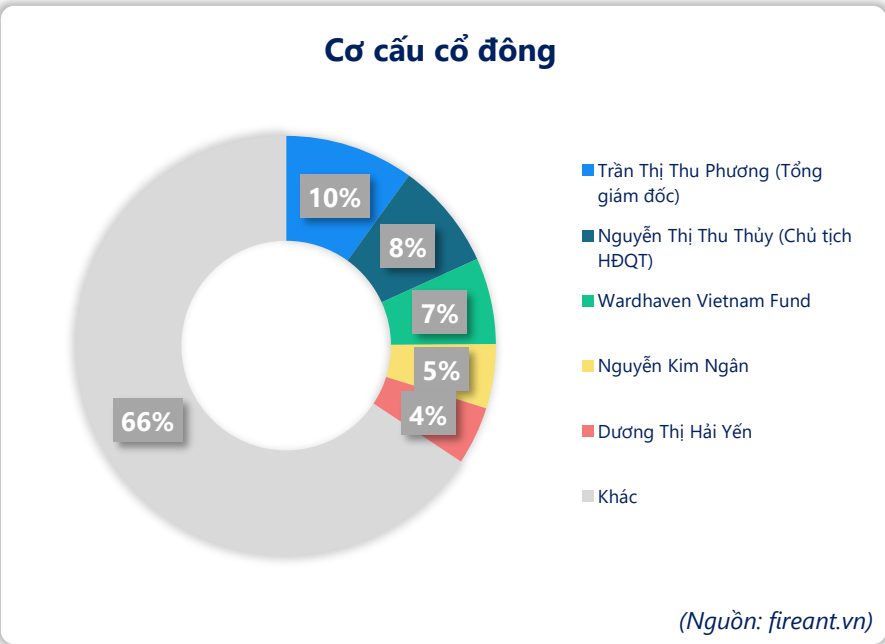
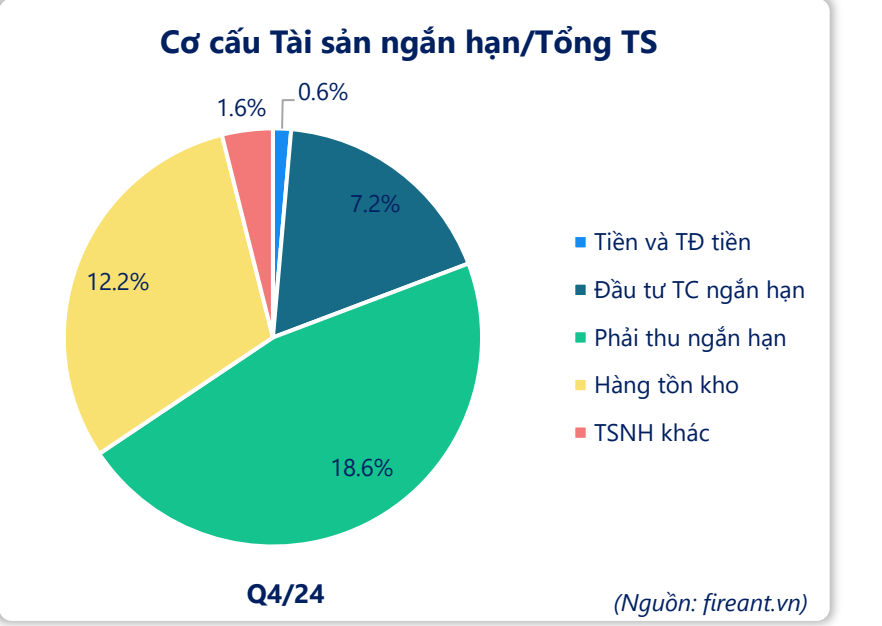
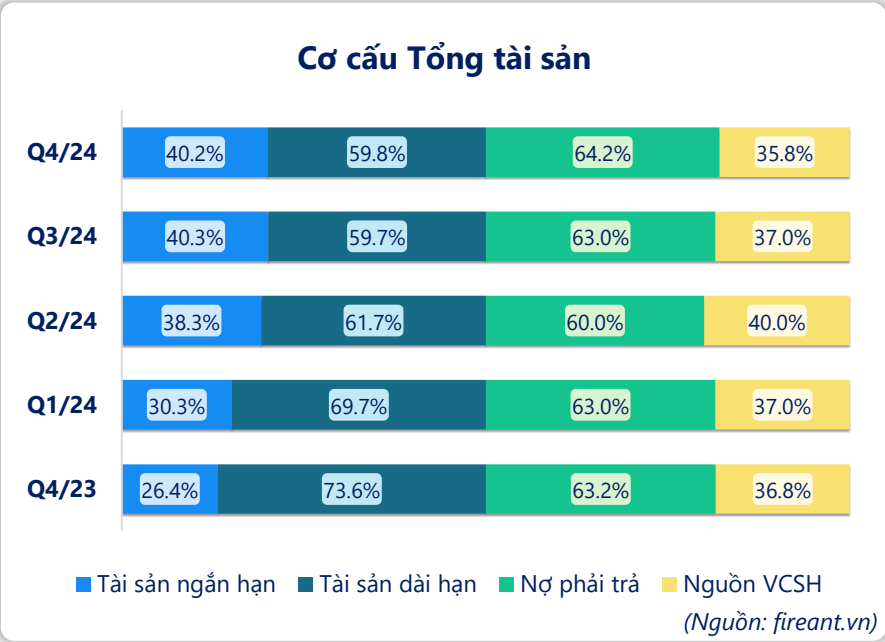
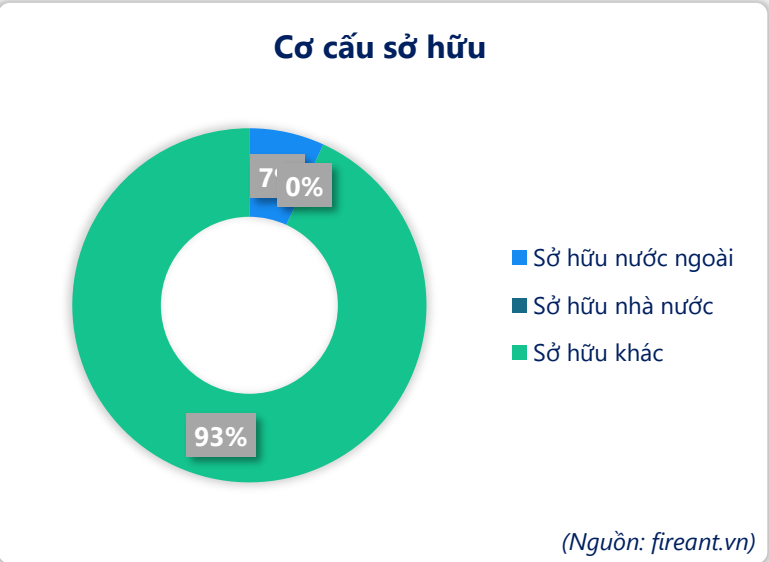
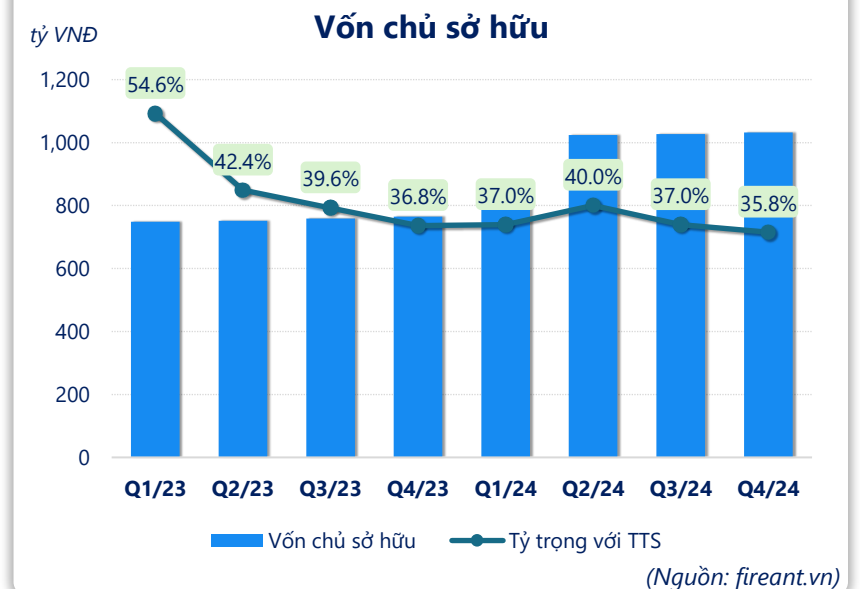
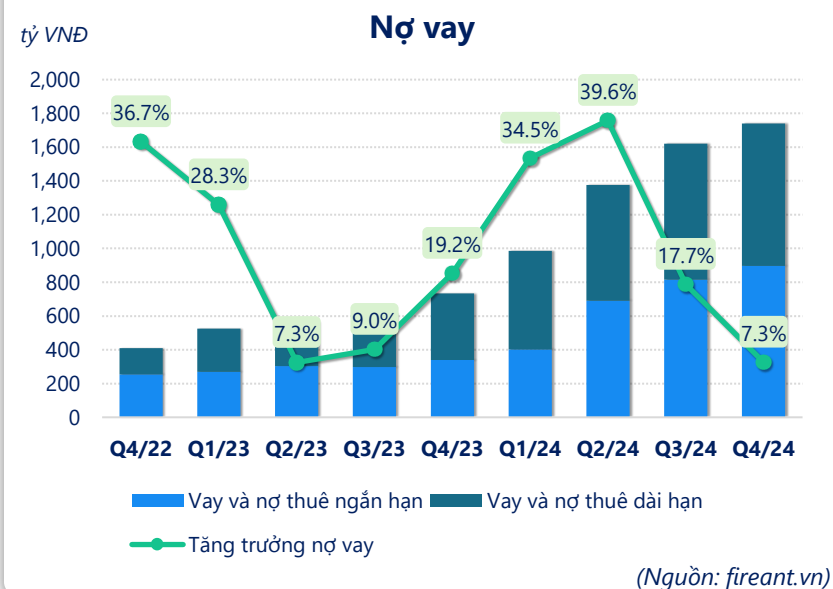
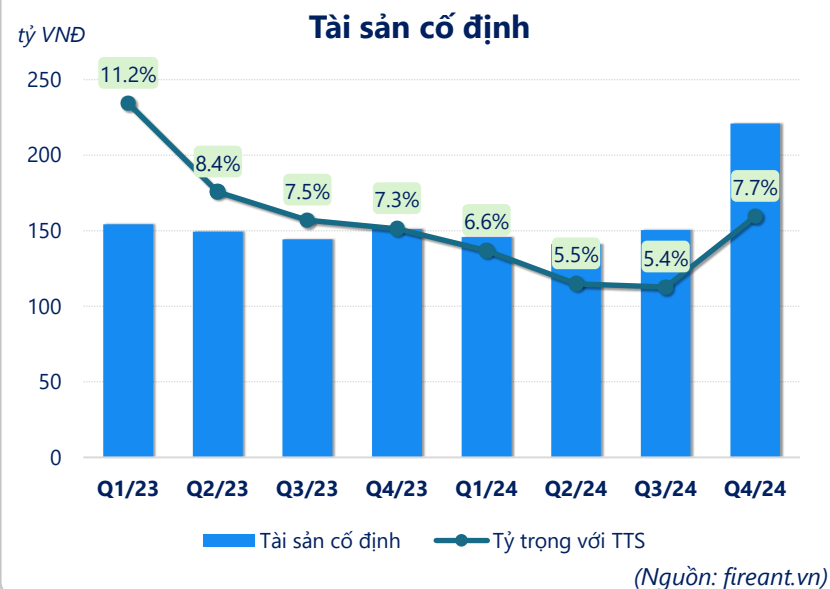
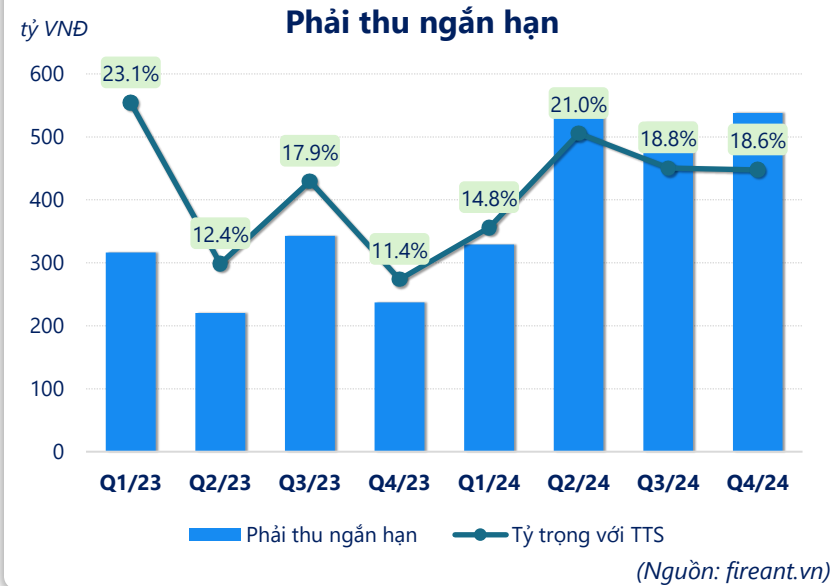
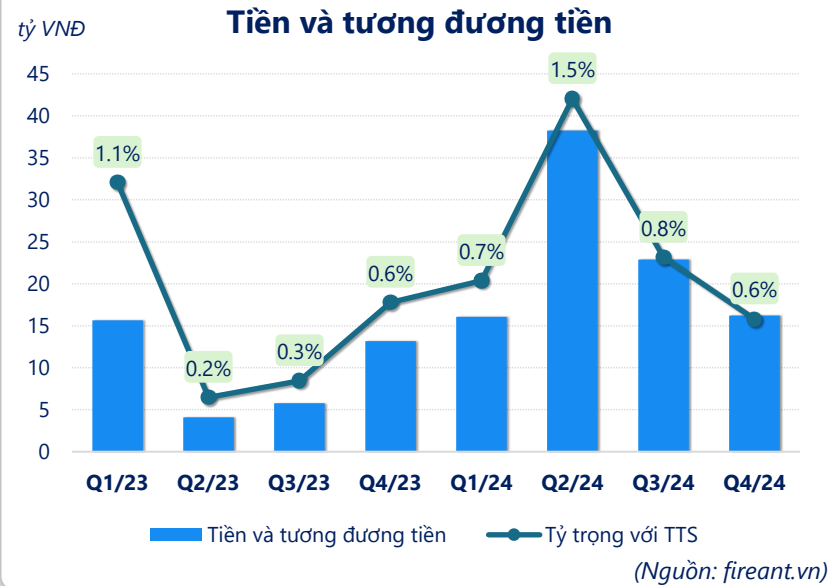
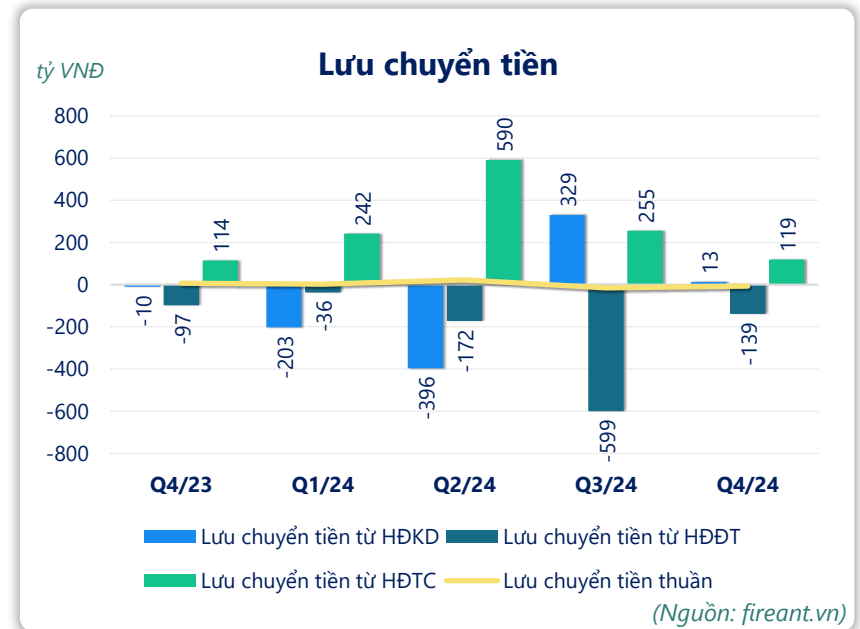
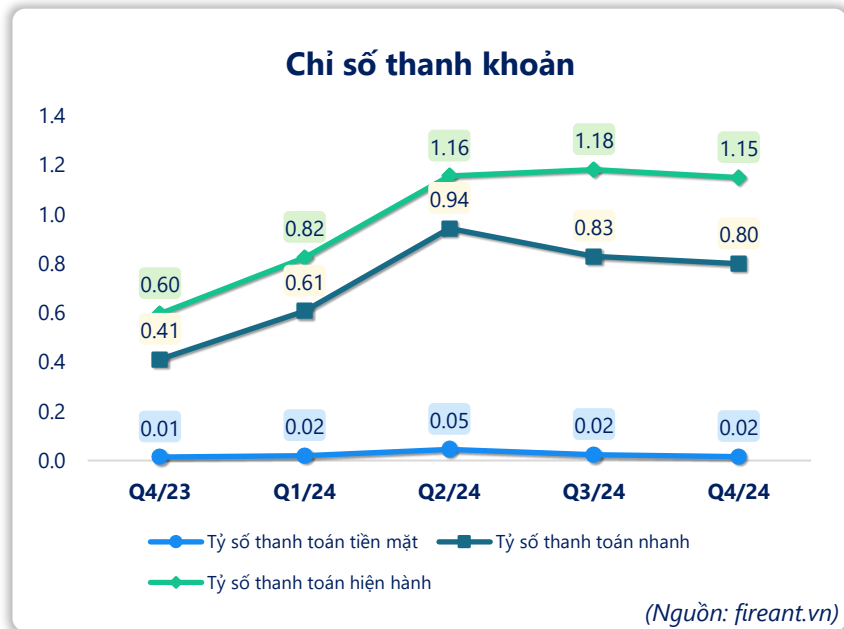
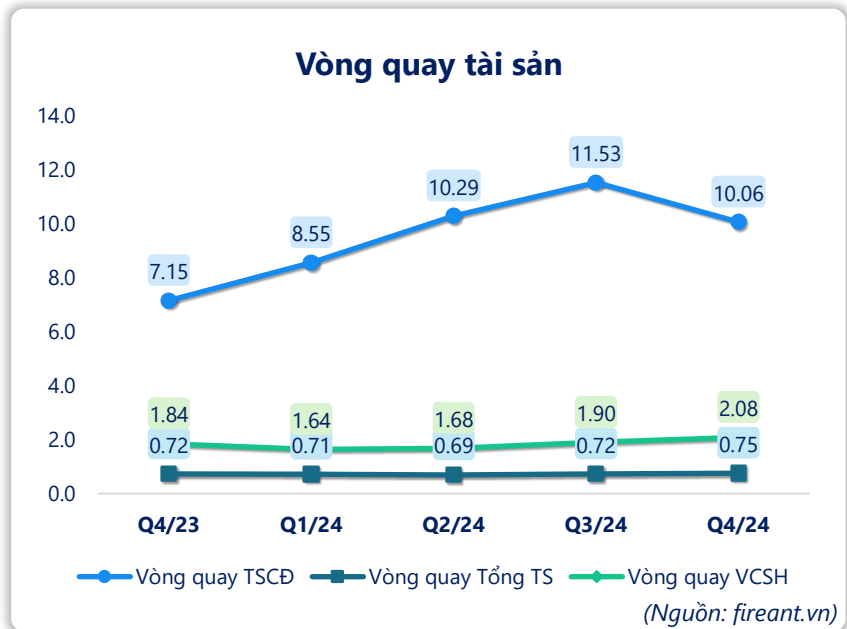
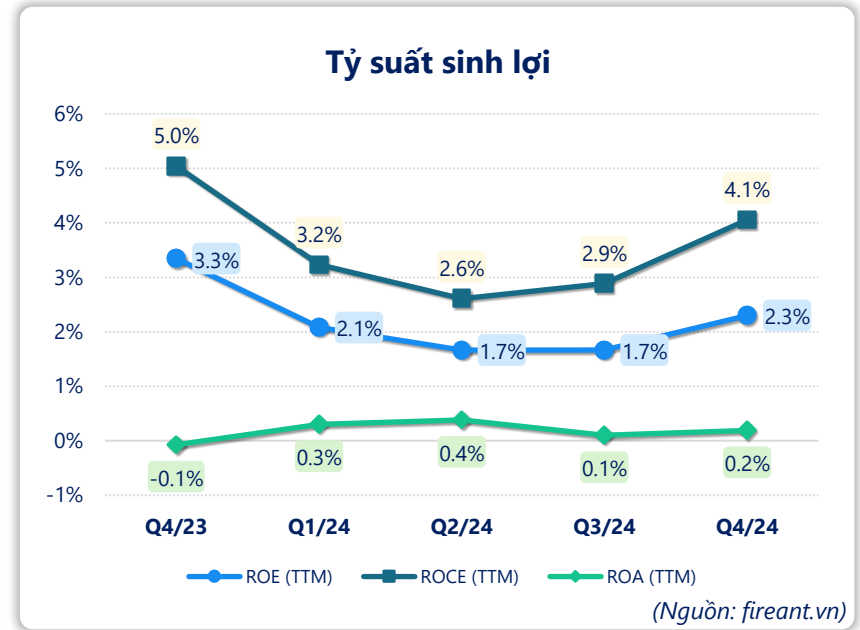
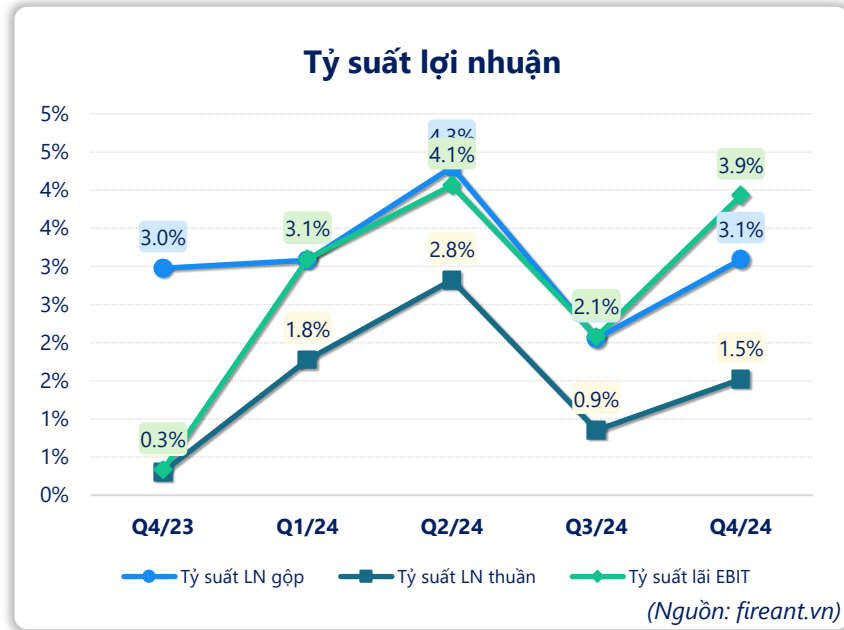
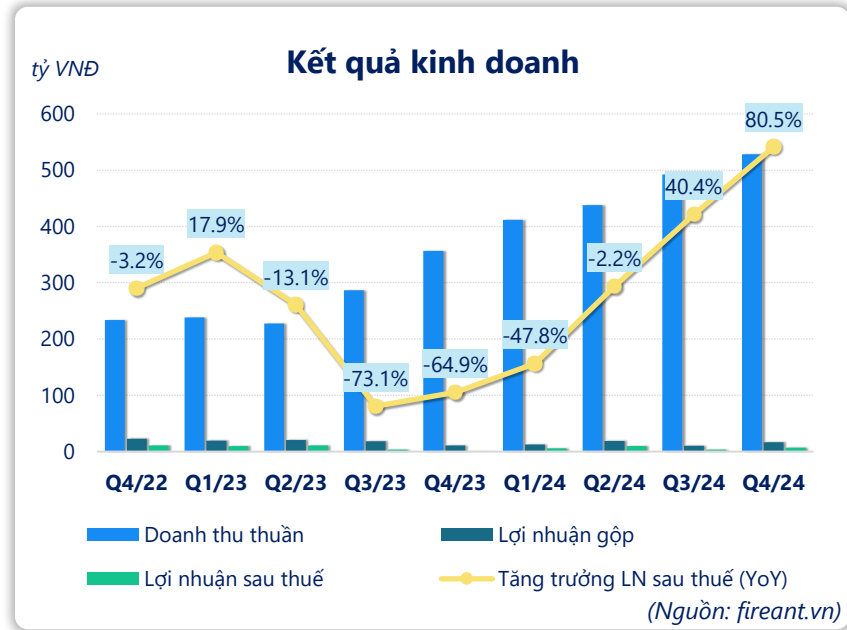


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		8,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,250
SL cổ phiếu LH		86,554,343
KLGD BQ 20 phiên (CP)		132,790
% sở hữu nước ngoài		6.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		714
P/E		34.6
EPS		239

	YTD	1T	3T	6T
HHP		-4.4%	-11.5%	-11.7%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,886	2,078	38.9%
Tài sản ngắn hạn	1,160	549	112%
Tiền và tương đương tiền	16.2	13.1	23.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	207	120	72.6%
Phải thu ngắn hạn	538	237	127%
Hàng tồn kho	354	170	107%
Tài sản ngắn hạn khác	45.6	8.15	459%
Tài sản dài hạn	1,725	1,530	12.8%
Phải thu dài hạn	11.6	13.8	-15.8%
Tài sản cố định	221	151	46.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,408	1,245	13.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	39.7	73.0	-45.6%
Tài sản dài hạn khác	44.9	46.6	-3.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,854	1,313	41.2%
Nợ ngắn hạn	1,010	920	9.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	896	340	163%
Phải trả người bán ngắn hạn	72.0	512	-85.9%
Nợ dài hạn	843	393	115%
Vay và nợ thuê dài hạn	843	393	115%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,032	765	34.9%
Vốn chủ sở hữu	1,032	765	34.9%
Vốn điều lệ	866	620	39.6%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	357	412	438	493	528
Giá vốn hàng bán	346	399	419	482	512
Lợi nhuận gộp	10.6	12.7	18.8	10.1	16.3
Doanh thu HĐTC	1.50	1.48	2.83	3.51	2.55
Chi phí TC	7.15	5.41	5.49	6.28	9.60
Chi phí lãi vay	0	5.40	5.49	6.28	12.6
LN trong công ty LKLD	0.85	0	0.55	0	1.49
Chi phí bán hàng	0.58	0.51	1.98	2.10	1.10
Chi phí QLDN	4.15	0.93	2.39	1.03	1.64
LN thuần từ HĐKD	1.09	7.32	12.4	4.21	8.03
Lợi nhuận khác	0.09	0.02	-0.06	-0.26	0.17
LN trước thuế	1.18	7.34	12.3	3.96	8.20
Lợi nhuận sau thuế	0.19	5.86	9.92	3.20	6.71
LNST của CĐ cty mẹ	-1.12	5.42	8.27	2.31	4.67

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-9.59	-203	-396	329	13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-97.2	-36.5	-172	-599	-139
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	114	242	590	255	119
Tiền đầu kỳ	5.76	13.1	16.1	38.2	22.9
Lưu chuyển tiền thuần	7.39	2.93	22.1	-15.3	-6.66
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.01	0.05	-0.04	0
Tiền cuối kỳ	13.1	16.1	38.2	22.9	16.2

(Nguồn: fireant.vn)